

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Mơ

Ông Nguyễn Đức Thiệu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 7, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 7, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N có mặt, tuyên án vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Đinh Văn N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 16/12/2011. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Hiện nay vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

***Về con chung:*** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Đinh Văn T1, sinh ngày 16/7/2013, Đinh Thị T2, sinh ngày 21/6/2016.

Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là T2, để anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là T1. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu 2 con chung ở với chị thì chị cũng đồng ý.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Đinh Văn N trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa như sau:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị T khai là đúng. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau do chị T đi làm thuê thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có cãi chửi nhau, tình cảm với chồng con không còn. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết thì trước khi ly hôn vì anh và mẹ anh đã nuôi con chung của vợ chồng 02 năm. Anh đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả số tiền anh đã nuôi con chung 02 năm, mỗi tháng là 3.000.000 đồng (từ năm 2021-2022) với số tiền là 72.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T đã khai đúng.

Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với 02 con là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Tại bản tự khai của ông Hoàng Anh Tuấn là thầy giáo chủ nhiệm của cháu Đinh Văn T1 đã thể hiện nội dung:* Hiện nay cháu T1 đang học lớp 4A Trường tiểu học M, vì cháu nhận thức chậm không biết đọc, viết, không biết ký, ghi họ tên. Ông Tuấn đã hỏi và cháu T1 có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố và em gái. Hiện nay cháu đang được hưởng chế độ học sinh khuyết tật của trường theo quy định của nhà nước.

4. *Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện khu dân cư và UBND xã M, huyện YL cung cấp:* Chị T và anh N trong quá trình chung sống anh N có tính gia trưởng hay bạo lực gia đình, cách đây 4 tháng anh N dùng dao dọa đuổi chị T, khu dân cư đã hòa giải nhưng anh N không sửa đổi. Nay chị T đã bỏ nhà đi làm ăn. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi người phụ nữ.

5. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, công bố, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho các bên đương sự.

*Về nội dung vụ án, đề nghị hướng giải quyết như sau:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1, 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

Về con chung: Giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đinh Văn T1, sinh ngày 16/7/2013, Đinh Thị T2, sinh ngày 21/6/2016. Buộc chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 750.000 đồng/tháng, 2 cháu là 1.500.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị T được miễn án phí vì là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Đinh Văn N cư trú tại khu 7, xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị T vắng mặt, tuy nhiên ngày 23/11/2022 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đinh Văn N có mặt trong quá trình xét xử vụ án, nhưng khi tuyên án thì anh N tự ý bỏ về. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Đinh Văn N tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Như vậy chị T và anh N kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về tình cảm vợ chồng thì anh N và chị T đều thừa nhận 2 bên có mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có cãi chửi nhau, tình cảm giữa chị T với anh N không còn, nhưng anh N không đồng ý ly hôn vì yêu cầu chị T phải thanh toán tiền nuôi con của anh trong 2 năm chị T bỏ nhà đi làm ăn. Thấy rằng tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, anh N có hành vi bạo lực gia đình do vậy đời sống vợ chồng không thể duy trì và kéo dài được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Việc anh N không đồng ý ly hôn nhằm kéo dài tình trạng hôn nhân đổ vỡ, không thể khắc phục được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của anh N xin được trực tiếp nuôi cháu T1 và nguyện vọng của cháu T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Đối với cháu T2, cần giao cháu cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, bởi lẽ khi anh N và chị T ly hôn thì cần ổn định cuộc sống cho các cháu được ăn ở, học tập có anh, có em. Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Cần buộc chị T

phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, 02 cháu là 2.000.000đ/tháng.

Đối với yêu cầu của anh N đề nghị chị T trả tiền nuôi 02 con chung trong thời gian 02 năm, số tiền 72.000.000 đồng không được chấp nhận, bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã không chấp hành các quy định của pháp luật có mặt và đưa ra yêu cầu trong phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, khi nhận được thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 166/TB-TA, ngày 23/11/2022 thì anh N cũng không có ý kiến gì. Theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Đó cũng là quyền, nghĩa vụ thiêng liêng và cao cả của người làm cha, làm mẹ.

[6] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị T và anh N không đề nghị giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lò Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là Đinh Văn T1, sinh ngày 16/7/2013 và Đinh Thị T2, sinh ngày 21/6/2016. Buộc chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị T và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lò Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 223/TB-TA, ngày 31/10/2022. Nay chị T được miễn nộp tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự;*

*thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã M (vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Tuấn Anh**